

SỰ SUY SỤP CỦA MÔ HÌNH TƯ BẢN MỸ

FRANCIS FUKUYAMA. *The Fall of America, Inc. Newsweek magazine*, 13/10/2008, 4 p.
<http://www.newsweek.com/id/162401>

THU PHƯƠNG
dịch

Những ngân hàng đầu tư danh tiếng nhất của Mỹ bị sụp đổ. Sự thất thoát của những cổ phiếu trị giá trên một nghìn tỷ USD chỉ trong vòng một ngày. Kế hoạch giải cứu 700 tỷ USD đặt lên vai người trả thuế. Mức độ suy thoái của thị trường tài chính Mỹ chắc chắn không thể lớn hơn như thế được nữa.

Thậm chí ngay cả khi người Mỹ bán khoản tài sản họ phải chi một số tiền lớn như vậy để ngăn chặn nền kinh tế sụp đổ, thì cũng chỉ có một số ít thảo luận về những biện pháp rất mơ hồ nhưng lại tốn kém hơn rất nhiều đối với nước Mỹ - và đó chính là sự thiệt hại mà cuộc khủng hoảng tài chính gây ra đối với uy tín của nước Mỹ.

Ý tưởng là một trong những món hàng xuất khẩu quan trọng nhất của Mỹ, và có hai ý tưởng chủ chốt của người Mỹ từ lâu đã ăn sâu vào suy nghĩ của cả thế giới từ đầu những năm 1980, khi Ronald Reagan trở thành Tổng thống nước Mỹ.

Ý tưởng thứ nhất chính là một viễn cảnh chủ nghĩa tư bản với thành tố chủ yếu đánh thuế thấp, ít sự can thiệp của

chính phủ vào thị trường, và một chính phủ gọn nhẹ tạo động lực cho kinh tế phát triển. "Chủ nghĩa Reagan" đã đảo ngược thông lệ của xu thế muốn xây dựng một chính phủ công kênh trong suốt một thế kỷ. Bãi bỏ bớt các qui định đã trở thành trật tự của cuộc sống thường nhật không chỉ của nước Mỹ mà còn trên khắp thế giới.

Ý tưởng lớn thứ hai là nước Mỹ như là người ủng hộ cho dân chủ tự do trên khắp thế giới, và được xem như là con đường tốt nhất dẫn đến một trật tự quốc tế mở và thịnh vượng hơn. Quyền lực và ảnh hưởng của Mỹ không chỉ dựa trên xe tăng và đồng Đô la, mà còn dựa trên thực tế rằng hầu hết mọi người đều nhìn nhận mô hình của Mỹ về một chính phủ tự quản là rất hấp dẫn và mong muốn xây dựng xã hội của họ theo hướng đó. Đây chính là "quyền lực mềm" theo như quan điểm của học giả Joseph Nye.

Việc xem xét các khía cạnh khác nhau của mô hình Mỹ bị suy thoái như thế nào quả không phải dễ dàng. Từ năm 2002 đến 2007, trong khi thế giới chứng kiến sự tăng trưởng kinh tế chưa từng có, các nhà xã hội học châu Âu và những

người cổ súy cho chủ nghĩa dân túy ở Mỹ Latinh luôn bị phớt lờ khi họ phản đối kịch liệt mô hình kinh tế của Mỹ bởi mô hình này là “chủ nghĩa tư bản cao bồi”. Tuy nhiên, hiện nay, động lực của sự tăng trưởng đó là nền kinh tế Mỹ đã trật bánh khỏi đường ray và rất có khả năng sẽ kéo cả thế giới đi xuống. Thậm chí tệ hại hơn, thủ phạm chính là mô hình phát triển của Mỹ: với câu thần chú là giảm bớt sự can thiệp của chính phủ, Washington đã không can thiệp một cách kịp thời và đúng đắn vào thị trường tài chính và đã để thị trường này gây thiệt hại nghiêm trọng đến các lĩnh vực khác của xã hội.

Giá trị dân chủ thậm chí còn bị xói mòn từ trước đó. Khi người ta phát hiện ra Saddam Hussein không sở hữu vũ khí giết người hàng loạt (WMD), chính quyền Bush đã tìm cách biện hộ cho cuộc chiến tranh Iraq bằng cách gắn nó với một “chiến dịch vì tự do” rộng lớn hơn. Và thúc đẩy dân chủ bỗng nhiên trở thành vũ khí chủ đạo trong cuộc chiến chống lại chủ nghĩa khủng bố. Đối với nhiều người trên thế giới, luận điệu của Mỹ về dân chủ có vẻ rất giống lời bào chữa cho hành động tăng cường quyền bá chủ của nước này.

Những giải pháp hiện nay chúng ta^(*) đang cân nhắc không chỉ có kế hoạch giải cứu thị trường tài chính hay chiến dịch bầu cử tổng thống. “Thương hiệu” Mỹ đang gặp phải những thách thức nghiêm trọng khi các mô hình khác – như Trung Quốc và Nga – có vẻ ngày càng hấp dẫn hơn. Khôi phục lại danh tiếng của chúng ta và làm sống lại sức hấp dẫn của thương hiệu Mỹ hiểu theo nhiều phương diện là một thách thức cực kỳ to lớn giống như việc phải bình ổn thị trường

tài chính Mỹ. Barack Obama và John McCain sẽ phát huy điểm mạnh của từng người để thực hiện nhiệm vụ này. Tuy nhiên, nhiệm vụ nào cũng sẽ là một cuộc chiến cực kỳ khó khăn đòi hỏi hàng năm trời. Hơn nữa, chúng ta không thể bắt đầu công việc cho đến khi chúng ta hiểu tường tận được chúng ta đã sai lầm ở chỗ nào; khía cạnh nào của mô hình Mỹ còn hấp dẫn; khía cạnh nào đã bị thực hiện sai lầm; và những gì cần phải loại bỏ hoàn toàn.

Nhiều nhà bình luận đã lưu ý rằng sự suy thoái của phố Wall đánh dấu sự chấm dứt của kỷ nguyên Reagan. Và về khía cạnh này, họ hoàn toàn đúng, thậm chí kể cả khi John McCain giành chiến thắng trong cuộc bầu cử tháng 11^(*). Những tư tưởng lớn ra đời trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Chỉ có một số tư tưởng được duy trì khi có sự thay đổi sâu sắc về hoàn cảnh. Điều này giải thích tại sao chính trị thường có xu hướng chuyển từ hữu sang tả và ngược lại trong những chu kỳ kéo dài hàng thế hệ.

Chủ nghĩa Reagan (hay theo cách gọi của người Anh, là chủ nghĩa Thatcher) chỉ đúng vào thời điểm chủ nghĩa này ra đời. Kể từ *Chương trình Kinh tế mới* của Roosevelt vào những năm 30 của thế kỷ XX, tất cả các chính phủ trên thế giới đều ngày càng trở nên công kênh hơn. Vào những năm 1970, những nhà nước và nền kinh tế có chế độ phúc lợi lớn vốn bị tê liệt bởi tình trạng quan liêu có hiệu quả hoạt động ngày càng kém. Vào thời điểm đó, dịch vụ điện thoại rất đắt đỏ và khó tìm; vé máy bay thì chỉ là thứ hàng xa xỉ của người giàu; và hầu hết người dân chấp nhận gửi tiền vào ngân hàng

^(*) Từ “chúng ta” được tác giả sử dụng để ám chỉ “nước Mỹ” – BBT.

^(*) Ngày 5/11/2008, B. Obama đã giành thắng lợi và trở thành Tổng thống thứ 44 của Hoa Kỳ – BBT.

với mức lãi suất thấp được kiểm soát chặt chẽ. Những chương trình như “Hỗ trợ Gia đình có con nhỏ” không khuyến khích các hộ gia đình nghèo làm việc và duy trì hôn nhân, và do đó gia đình tan vỡ. Cuộc cách mạng Reagan-Thatcher giúp việc thuê và sa thải nhân công dễ dàng hơn, đồng thời gây ra những khó khăn vô cùng lớn khi các ngành công nghiệp truyền thống rơi vào tình trạng lao đao hoặc giải thể. Tuy nhiên, chính cuộc cách mạng này đã đặt nền móng cho sự phát triển và tăng trưởng gần 3 thập kỷ sau đó cũng như sự xuất hiện của những lĩnh vực mới như ngành công nghiệp thông tin và sinh học.

Ở bình diện quốc tế, cuộc cách mạng Reagan đã mang lại “Đồng thuận Washington”, và chính điều này đã giúp Washington và những thiết chế chịu ảnh hưởng của chính phủ Mỹ như Quỹ Tiền tệ Quốc tế và Ngân hàng Thế giới - có khả năng ép các nước đang phát triển phải mở cửa nền kinh tế của họ.

Trong khi chương trình “Đồng thuận Washington” không được những nhân vật theo chủ nghĩa dân túy như Hugo Chavez của Venezuela nhìn nhận thì chương trình này lại rất thành công trong giảm bớt hậu quả của cuộc khủng hoảng nợ ở châu Mỹ Latin đầu thập kỷ 80 khi lạm phát phi mã đã hoành hành tại những nước như Argentina và Brazil. Những chính sách thân thiện thị trường tương tự cũng đã giúp Trung Quốc và Ấn Độ trở thành những nền kinh tế mạnh như ngày nay.

Và nếu bất cứ ai cần thêm bất kỳ một minh chứng nào, họ có thể xem xét những ví dụ tiêu biểu nhất về những chính phủ công kênh trên thế giới - như nền kinh tế kế hoạch tập trung của Liên bang Xô Viết cũ và các chính phủ cộng sản khác. Vào thập kỷ 70, họ bị tụt hậu

rất nhiều so với các nước tư bản đối thủ ở tất cả các lĩnh vực. Sự suy sụp của các nước này sau khi Bức tường Berlin sụp đổ đã khẳng định rằng những chính sách phúc lợi như vậy chỉ dẫn đến những tình thế không lối thoát.

Giống như tất cả các phong trào có tính chất thay đổi khác, cuộc cách mạng Reagan đã đi chệch hướng bởi vì nhiều người theo chủ nghĩa này coi đây là một tư tưởng không thể có sai sót, chứ không phải là một biện pháp thực tế đối phó với tình trạng quá tải về phúc lợi xã hội. Hai khái niệm đã từng được coi là bất khả xâm phạm: thứ nhất, cắt giảm thuế đồng nghĩa với việc tự hạch toán; và thứ hai, các thị trường tài chính có khả năng tự điều chỉnh.

Trước những năm 1980, những người theo chủ nghĩa bảo thủ có quan điểm bảo thủ về tài chính - điều đó có nghĩa là họ không chấp nhận chi trả nhiều hơn doanh số thu được từ thuế. Tuy nhiên, chính sách Reagan đã đưa ra một khái niệm mới khi cho rằng bất cứ sự cắt giảm thuế nào cũng sẽ kích thích tăng trưởng và do đó cuối cùng thu nhập của chính phủ cũng sẽ tăng lên (đây còn được gọi là đường tăng trưởng Laffer). Trên thực tế, quan điểm truyền thống mới là đúng đắn: nếu cắt giảm thuế mà không cắt giảm chi tiêu, cuối cùng chính phủ sẽ đối mặt với tình trạng bội chi nguy hiểm. Chính vì vậy, việc cắt giảm thuế của chính quyền Reagan vào những năm 1980 đã tạo ra những khoản thâm hụt rất lớn; việc tăng thuế vào những năm 1990 dưới thời kỳ Clinton lại tạo ra thặng dư ngân sách; và việc chính quyền Bush cắt giảm thuế vào đầu thế kỷ XXI đẩy nước Mỹ vào tình trạng thâm hụt ngân sách lớn hơn. Sự thật là nền kinh tế Mỹ tăng trưởng mạnh mẽ trong thời kỳ Clinton như thời kỳ Reagan một phần

nào đó không làm lay chuyển niềm tin của những người có quan điểm bảo thủ để họ tin rằng cắt giảm thuế là giải pháp hiệu quả đối với tăng trưởng.

Quan trọng hơn, toàn cầu hoá đã che giấu những khiếm khuyết của chính sách này hàng thập kỷ. Người nước ngoài dường như lúc nào cũng sẵn sàng giữ chặt đồng Đô la Mỹ và điều này cho phép chính phủ Mỹ chấp nhận tình trạng thâm hụt ngân sách trong khi vẫn tiếp tục đạt tăng trưởng kinh tế, một thực tế mà không một nước đang phát triển nào có khả năng xoay sở được. Điều này giải thích tại sao báo chí Mỹ tiết lộ Phó Tổng thống Dick Cheney từ đầu nhiệm kỳ đã phát biểu với Tổng thống Mỹ rằng bài học của những năm 1980 chính là: “thâm hụt không phải là vấn đề”.

Nội dung thứ hai của chính sách Reagan - việc xoá bỏ sự kiểm soát tài chính - được thúc đẩy mạnh mẽ bởi một liên minh thần thánh gồm những người thực sự tin tưởng vào chính sách này và các công ty tài chính. Giữa thập kỷ 90, tư tưởng này đã được chính Đảng Dân chủ chấp nhận như một cuốn cẩm nang. Họ cho rằng những quy định tồn tại quá lâu như Đạo luật Glass-Steagall thời kỳ Suy thoái (quy định tách ngân hàng thương mại khỏi ngân hàng đầu tư) đã kiềm chế tính sáng tạo và phá huỷ tính cạnh tranh của các thể chế tài chính Mỹ.

Lập luận này chỉ đúng khi việc xoá bỏ kiểm soát tạo ra một loạt những sản phẩm mới có tính sáng tạo như “nghĩa vụ thanh toán nợ tồn đọng” và đây là nhân tố chủ chốt trong cuộc khủng hoảng hiện nay. Một số nghị sỹ Đảng Cộng hoà vẫn không chấp nhận quan điểm này khi họ đưa ra đề xuất thay thế cho kế hoạch giải cứu thị trường tài chính và đề xuất này đòi hỏi việc cắt

giảm thuế mạnh mẽ hơn nữa cho các quỹ đầu tư.

Vấn đề ở chỗ phố Wall rất khác so với Thung lũng Silicon, một khu vực mà sự điều chỉnh vừa phải sẽ mang lại những lợi ích rất lớn. Các thể chế tài chính hoạt động dựa trên lòng tin, và chỉ có thể phát triển nếu các chính phủ đảm bảo rằng họ minh bạch và phải gánh chịu những nguy cơ cùng với tiền của của người khác.

Lĩnh vực này cũng có đặc thù bởi sự sụp đổ của các thể chế tài chính không chỉ tổn hại đến các cổ đông và các nhân viên mà còn đến số lượng lớn những người ngoài cuộc (mà các nhà kinh tế học gọi một cách nhã nhặn là những thành phần bên ngoài).

Những dấu hiệu về sự trôi nổi một cách nguy hiểm của cuộc cách mạng Reagan được thể hiện rõ trong suốt một thập kỷ qua. Dấu hiệu cảnh báo đầu tiên chính là cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1998. Những nước như Thailand và Hàn Quốc vốn nghe theo lời khuyên và chịu sức ép từ Mỹ, đều tiến hành tự do hoá thị trường vốn vào đầu những năm 1990. Một số lượng lớn tiền nóng bắt đầu được bơm vào nền kinh tế của các nước này, tạo ra một tình trạng đầu cơ tích trữ bong bóng, và khối lượng tiền này sau đó lại bị rút khỏi thị trường khi xuất hiện những dấu hiệu rắc rối đầu tiên. Có vẻ rất giống tình hình của nước Mỹ hiện nay? Trong khi đó, những nước như Trung Quốc và Malaysia vốn không theo lời khuyên của Mỹ và tiếp tục đóng cửa thị trường tài chính hoặc kiểm soát gắt gao thị trường này thì ít phải chịu những ảnh hưởng tiêu cực hơn rất nhiều so với các nước kia.

Dấu hiệu đáng báo động thứ hai thể hiện ở những thâm hụt mang tính chất

cơ cấu tích lũy từ trước đến nay của nền kinh tế Mỹ. Trung Quốc và một vài nước khác bắt đầu mua đồng Đô la của Mỹ sau năm 1997 như là một phần trong chiến lược thâm lặn nhằm giảm giá đồng tiền của họ, giữ cho các nhà máy của họ hoạt động hiệu quả, và bảo vệ nền kinh tế tránh khỏi những cú sốc về tài chính.

Điều này có thể chấp nhận được với một nước Mỹ sau 11/9 vẫn còn khỏe mạnh, có nghĩa là nước Mỹ có thể cắt giảm thuế, chi trả được những khoản chi tiêu lớn, gánh được hai cuộc chiến tranh quá tốn kém và đồng thời phải lại bị thâm hụt ngân sách. Sự thâm hụt thương mại lớn một cách đáng ngạc nhiên và ngày càng tăng mà chính sách này gây ra - 700 tỷ USD một năm vào năm 2007 - rõ ràng là không thể chống đỡ được; không sớm thì muộn các nhà đầu tư nước ngoài cũng đi đến quyết định coi Mỹ không phải là một nơi thích hợp để gửi tiền. Sự suy giảm của đồng Đô la Mỹ chứng tỏ rằng chúng ta đã rơi vào tình trạng đó. Rõ ràng trái ngược hẳn với quan điểm của Dick Cheney, thâm hụt là một vấn đề rất quan ngại.

Ngay cả ở trong nước, mặt tiêu cực của tình trạng không kiểm soát cũng đã thể hiện rõ ràng ngay trước khi thị trường tài chính sụp đổ. Ở California, giá điện vào thời điểm 2000-2001 đã tăng không còn kiểm soát được sau khi chính quyền thả nổi thị trường năng lượng và điều này khiến những công ty vô liêm sỉ kiểu như Enron tha hồ trục lợi. Bản thân Enron, cùng với vô số những công ty khác, đã bị sụp đổ vào năm 2004 bởi vì những tiêu chuẩn kiểm toán đã không được thực hiện một cách đầy đủ.

Bất bình đẳng ở Mỹ đã tăng lên trong suốt một thập kỷ vừa qua, bởi những lợi ích đạt được từ tăng trưởng kinh tế được phân bổ một cách không cân đối cho nhóm người Mỹ giàu hơn và

có học thức hơn, trong khi đó thu nhập của nhóm người lao động lại bị giảm. Cuối cùng, quyết định đánh Iraq vội vàng cũng như việc đối phó với cơn bão Katrina đã bộc lộ những nhược điểm từ trên xuống của khu vực công, kết quả của hàng thập kỷ không được cấp đủ kinh phí cũng như do đội ngũ công chức uy tín thấp từ thời kỳ của Reagan trở đi.

Tất cả những vấn đề này cho thấy kỷ nguyên của Reagan lẽ ra nên chấm dứt từ trước. Điều này không chỉ một phần vì Đảng Dân chủ đã không đưa ra được những ứng cử viên có sức thuyết phục hay những lập luận có sức thuyết phục, mà còn bởi vì một khía cạnh cụ thể của nước Mỹ khiến cho đất nước này rất khác biệt so với châu Âu. Chính vì vậy, nhóm công dân ít học thức hơn và nhóm dân lao động thường rất tin tưởng bầu cho các đảng xã hội, các đảng cộng sản và các đảng có xu hướng cánh tả khác, dựa trên lợi ích kinh tế của họ. Ở nước Mỹ, cử tri có thể bỏ phiếu cho các đảng cánh tả hoặc cánh hữu. Họ đã từng là một bộ phận trong liên minh Dân chủ của Roosevelt trong thời kỳ Chính sách Kinh tế mới, một liên minh tồn tại đến tận thời kỳ Xã hội vĩ đại của Lyndon Johnson những năm 1960.

Tuy nhiên, cử tri lại bắt đầu bầu cho Đảng Cộng hoà trong thời kỳ Nixon và Reagan, và chuyển qua ủng hộ Clinton vào những năm 1990, sau đó lại quay lại ủng hộ mạnh mẽ Đảng Cộng hoà vào thời kỳ George W. Bush. Khi họ bầu cho Đảng Cộng hoà xuất phát từ những vấn đề văn hoá như tôn giáo, lòng yêu nước, những giá trị gia đình và quyền sở hữu súng chứ không phải là những vấn đề kinh tế.

Nhóm cử tri này sẽ quyết định cuộc bầu cử tháng 11 tới, ít nhất không phải vì họ tập trung vào một số bang dao động

như Ohio và Pennsylvania. Liệu họ sẽ nghiêng về một ứng viên xa xôi hơn, ông Obama, người tốt nghiệp trường Harvard, và là người phản ánh những lợi ích kinh tế của họ một cách chính xác hơn? Hay họ sẽ ủng hộ những người họ có khả năng đồng cảm hơn như McCain và Sarah Palin? Chính cuộc khủng hoảng với một quy mô rất lớn từ năm 1929 đến 1931 đã giúp Đảng Dân chủ lên cầm quyền. Các cuộc điều tra chỉ ra rằng có thể nước Mỹ đã lại đối mặt với tình trạng này vào tháng 10 năm 2008.

Một nội hàm quan trọng khác của thương hiệu Mỹ là dân chủ và khả năng của nước Mỹ có sẵn sàng ủng hộ các nền dân chủ khác trên thế giới. Chính sách lý tưởng này trong chiến lược đối ngoại của Mỹ luôn được thực hiện nhất quán trong suốt thế kỷ vừa qua, từ tư tưởng Hội Quốc Liên của Woodrow Wilson cho đến tư tưởng 4 Quyền Tự do của Roosevelt đến việc Reagan kêu gọi Mikhail Gorbachev hãy “kéo đổ bức tường này xuống”.

Thúc đẩy dân chủ - thông qua ngoại giao, viện trợ đối với các nhóm xã hội dân sự, các phương tiện thông tin đại chúng và các biện pháp tương tự - chưa bao giờ là vấn đề gây tranh cãi. Vấn đề hiện nay là với việc sử dụng dân chủ để biện minh cho cuộc chiến tranh Iraq, chính quyền Bush cho nhiều người thấy rằng “dân chủ” là một mặt nạ để chỉ sự can thiệp về quân sự và sự thay đổi chế độ. (Những bất ổn sau đó ở Iraq rõ ràng không hề giúp quảng bá cho nền dân chủ).

Đặc biệt khu vực Trung Đông cũng trở thành bãi mìn cho bất cứ một chính quyền nào của Mỹ, kể từ khi Mỹ ủng hộ những đồng minh không dân chủ như Arab Saudi, và từ chối hợp tác với những nhóm như Hamas và Hizbullah, những nhóm lên nắm quyền thông qua bầu cử.

Chúng ta sẽ chẳng tạo dựng được mấy uy tín với việc thúc đẩy một “chương trình hành động vì tự do”.

Mô hình Mỹ cũng bị suy giảm nghiêm trọng khi Chính quyền Bush bị phát hiện tra tấn tù nhân. Sau ngày 11/9, người Mỹ tỏ ra lo lắng khi buộc phải hy sinh quyền được bảo vệ theo hiến pháp vì lợi ích an ninh quốc gia. Nhà tù Guantánamo và hình ảnh tù nhân Abu Ghraib bị trùm kín đầu đã thay thế tượng Nữ thần Tự do, trở thành biểu tượng của nước Mỹ trong cơn mắt của rất nhiều người không phải là người Mỹ.

Cho dù bất cứ ai chiến thắng trong cuộc bầu cử Tổng thống tháng tới, chu kỳ mới của nền chính trị Mỹ và thế giới cũng sẽ bắt đầu. Đảng Dân chủ có khả năng giành được số lượng áp đảo ở Hạ viện và Thượng viện. Bất bình của một số lượng không nhỏ những người theo chủ nghĩa dân túy đang âm ỉ khi cuộc khủng hoảng của phố Wall lan sang phố Main. Hiện nay, đã có rất nhiều ý kiến thống nhất cần phải tái điều chỉnh nhiều bộ phận của nền kinh tế. Ở cấp độ toàn cầu, nước Mỹ sẽ không còn giữ được vị trí bá chủ như trước, vị trí đã bị lung lay bởi sự kiện Nga đánh chiếm Georgia ngày 7 tháng 8. Khả năng của nước Mỹ nhằm định dạng nền kinh tế toàn cầu thông qua những hiệp định thương mại, IMF và WB sẽ không còn nữa, cũng như nguồn lực tài chính của nước Mỹ cũng đã cạn kiệt. Ở nhiều nơi trên thế giới, tư tưởng, lời chỉ bảo, và thậm chí ngay cả viện trợ của nước Mỹ cũng sẽ không được chào đón như hiện nay nữa.

Trong những hoàn cảnh như vậy, ứng cử viên nào sẽ có khả năng tốt hơn để tạo dựng lại thương hiệu cho nước Mỹ? Barack Obama rõ ràng là người mang ít hành trang nhất của quá khứ, và quan điểm hậu đảng phái sẽ giúp ông tìm cách

vượt lên những chia rẽ bất đồng chính trị hiện nay. Thực chất, ông dường như là một chính trị gia thực tế chứ không phải là một nhà tư tưởng. Tuy nhiên, kỹ năng xây dựng sự đồng thuận của ông sẽ bị thử thách rất lớn khi ông buộc phải đưa ra những lựa chọn khó khăn nhằm hiệu triệu không chỉ các nghị sỹ Cộng hòa mà cả các nghị sỹ Dân chủ bất đồng chính kiến vào một liên minh thống nhất. Còn về phần mình, John McCain đã nói giống như Teddy Roosevelt, trong vài tuần gần đây, chỉ trích nặng nề phố Wall và kêu gọi sa thải Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Chris Cox. J. McCain có lẽ là người Cộng hòa duy nhất tập hợp đảng của ông, hành động và hò reo, trong một kỷ nguyên hậu Reagan. Nhưng người ta vẫn cảm nhận rằng ông vẫn chưa tạo ra hình ảnh ông là một người Cộng hòa hoặc những nguyên tắc nào của ông sẽ giúp định hình một nước Mỹ mới.

Ảnh hưởng của nước Mỹ có thể và sẽ dần được phục hồi. Vì thế giới có khả năng gánh chịu một cuộc khủng hoảng kinh tế, người ta vẫn chưa rõ liệu mô hình của Nga hay Trung Quốc có tốt hơn mô hình của Mỹ hay không. Nước Mỹ đã vượt qua được những cuộc suy thoái nghiêm trọng trong những năm 1930 và 1970, nhờ vào khả năng tự điều chỉnh của hệ thống nước Mỹ và bản tính kiên cường của người dân Mỹ.

Tuy nhiên, một cuộc trở lại khác lại phụ thuộc vào khả năng của nước Mỹ có tạo ra được những thay đổi căn bản hay không. Trước hết, nước Mỹ phải vứt bỏ cái áo của kỷ nguyên Reagan đã bó chặt nước Mỹ liên quan đến thuế và điều hành của chính phủ. Cắt giảm thuế có vẻ có lợi nhưng không kích thích tăng trưởng hoặc không giúp chính phủ tự thanh toán. Khi phải cân nhắc đến tình trạng tài chính

lâu dài, người Mỹ sẽ phải được báo cáo một cách trung thực là họ sẽ phải tự chi trả cho con đường của riêng họ trong tương lai.

Việc xoá bỏ quy định, hoặc thất bại của các nhà quản lý trong việc bắt kịp với những bước phát triển nhanh chóng của thị trường có thể sẽ phải trả những cái giá đắt không tin nổi, như nước Mỹ đã từng lựa chọn. Toàn bộ khu vực công của nước Mỹ - một khu vực đã không có đủ tiền hoạt động, đã hoạt động cực kỳ kém bài bản, và phi đạo đức - cần phải được xây dựng lại và cần phải trang bị một niềm tự hào mới. Có một số công việc mà chỉ có chính phủ mới có thể thực hiện được.

Khi nước Mỹ tạo ra những thay đổi như thế này sẽ xuất hiện những rủi ro từ việc điều chỉnh quá mức. Các thiết chế tài chính cần một cơ chế giám sát mạnh, nhưng có một điều không rõ là liệu các khu vực khác của nền kinh tế có cần cơ chế tương tự như vậy hay không.

Thương mại tự do vẫn là một động lực mạnh mẽ đối với tăng trưởng kinh tế, cũng như là một công cụ hữu hiệu của chính sách đối ngoại Mỹ. Nước Mỹ cần hỗ trợ các công nhân tốt hơn để họ có khả năng thích nghi với những điều kiện toàn cầu đang thay đổi, chứ không phải giúp họ giữ được công việc hiện tại của họ.

Nếu cắt giảm thuế không phải là con đường tất yếu dẫn đến thịnh vượng; phúc lợi xã hội cũng sẽ không bị giới hạn. Cái giá của kế hoạch giải cứu thị trường tài chính và những khiếm khuyết có tính dài hạn của đồng Đô la đồng nghĩa với việc lạm phát sẽ là một mối đe dọa nghiêm trọng trong tương lai. Một chính sách tài chính không có trách nhiệm sẽ rất dễ đẩy tình hình ngày càng xấu hơn.

(xem tiếp trang 7)